

Bản án số: 78 /2019/DS-PT  
Ngày: 27-5-2019  
V/v: “Tranh chấp bồi thường thiệt hại  
ngoài hợp đồng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Thanh Phượng

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Văn Quý

Bà Bùi Kim Rết

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trần Linda – Thư ký TAND tỉnh Đồng Nai

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Đào Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2019/TLPT-DS ngày 29 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 162/2019/QĐ-PT ngày 07/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973. HKTT: Ấp Sơn Hà, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Chị Lâm Thị T1, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Ấp Xóm Hồ, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T1: Anh Nguyễn Văn T (theo văn bản ủy quyền do UBND xã Phú Hội chứng thực ngày 19/12/2017).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp Sơn Hà, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T.

(Anh T có mặt, chị T1, bà H vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo anh Nguyễn Văn T là nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của chị Lâm Thị T1 trình bày:

Vào 20 giờ 00 phút ngày 22/4/2016, trong lúc anh vắng nhà bà Nguyễn Thị Mai H đã tự ý vào nhà anh lấy toàn bộ quần áo (trong đó có tiền) mang ra sân và đốt nên anh và chị T1 khởi kiện yêu cầu bà H bồi thường cho anh và chị T1 số tiền 11.700.000 đồng (trong đó gồm giá trị của 27 bộ đồ x 200.000đ/01 bộ = 5.400.000 đồng và 6.300.000 đồng để trong quần áo mà bà H đã đốt).

- Theo bà Nguyễn Thị Mai H là bị đơn trình bày:

Vào ngày 05/4/2016 do mâu thuẫn trong gia đình nên bà có đốt quần áo để trong nhà mẹ bà (bà Bùi Thị Vân) nhưng trong đó chỉ có quần áo của chị T1 và trẻ em, không đốt quần áo của anh T với số lượng khoảng 10 bộ quần áo cũ, trị giá mỗi bộ là 25.000 đồng.

Nay anh T, chị T1 khởi kiện yêu cầu bà bồi thường số tiền 11.700.000 đồng từ việc bà đốt quần áo (trong đó gồm giá trị của 27 bộ đồ x 200.000đ/bộ = 5.400.000đ và 6.300.000đ để trong quần áo mà bà đã đốt) thì bà không đồng ý bồi thường và trong quần áo bà đốt cũng không có tiền vì anh T còn vay mượn tiền của bà tiêu xài.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2018/DS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 604, 605, 608 Bộ luật dân sự 2005; khoản 1 Điều 17 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP – BTC ngày 28/03/2014; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội .*

*Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, chị Lâm Thị T1.*

*Buộc bà Nguyễn Thị Mai H có trách nhiệm bồi thường cho chị Lâm Thị T1 số tiền là 1.125.000đ (một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).*

*Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.*

Ngày 06/11/2018, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do bản án đã không xem xét chứng cứ đầy đủ nên đã có quyết định không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Anh T không giao nộp chứng cứ gì mới.

**Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Theo anh T thì số quần áo mà bà H đốt là 27 bộ với giá tiền là 200.000đ/bộ. Ngoài ra, trong quần áo bị đem đốt còn có 6.300.000 đồng là tiền cơm của anh và tiền lương của chị T1 mới nhận. Tuy nhiên, số lượng và chủng loại quần áo bị đốt không có cơ sở để xác định. Bà H khai nhận bà có đốt quần áo tại nhà như anh T khai nhưng chỉ đốt 10 bộ là của chị T1 và con chị T1. Bà chỉ chấp nhận bồi thường với giá 25.000đ/bộ. Do không chứng minh được chủng loại và số lượng giá trị quần áo bị đốt và có hay không số tiền trong quần áo bị đốt nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức giá trung bình của các bên đương sự cũng như số lượng mà bị đơn thừa nhận để làm căn cứ xét xử. Chứng cứ tại hồ sơ cho thấy anh T, chị T1 khai số quần áo và số tiền bị đốt mà không cung cấp được tài liệu, giấy tờ gì chứng minh cho lời khai trên. Tại các biên bản làm việc và xác minh đều không thể hiện được việc có hay không có tiền trong số quần áo bị đốt. Do đó, tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Nguyên đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được tài liệu gì thêm để chứng minh cho yêu cầu của mình, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 BLTTDS.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T làm trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Về quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[2] Về người tham gia tố tụng: Chị Lâm Thị T1 ủy quyền hợp lệ cho anh Nguyễn Văn T đại diện tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Đối với bà Nguyễn Thị Mai H triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt nên xét xử vắng mặt đương sự này theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn T: Anh T, chị T1 khởi kiện yêu cầu bà H bồi thường tiền do bà H đã đốt 27 bộ quần áo và số tiền 6.300.000 đồng để trong quần áo của anh, chị. Tuy nhiên qua các chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của những người làm chứng, xác nhận, tài liệu của cơ quan công an thì hoàn toàn không có căn cứ để xác định số lượng quần áo bị đốt là 27 bộ, không có căn cứ để xác định giá trị của những bộ quần áo bị đốt là bao nhiêu cũng như không có căn cứ xác định có số tiền 6.300.000 đồng trong số những bộ quần áo bị đốt. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào sự thừa nhận của bị đơn là bà H về số lượng quần áo đã bị bà đốt để quyết định số lượng quần áo buộc bà H phải bồi thường là đúng quy định pháp luật. Về giá tài sản bị thiệt hại, cấp sơ thẩm

căn cứ vào hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP – BTC ngày 28/03/2014 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính để lấy mức giá làm giá tài sản là đúng quy định pháp luật. Đối với số tiền 6.300.000 đồng, do anh T không cung cấp được bất cứ chứng cứ gì để chứng minh số tiền 6.300.000 đồng đã bị bà H đốt cùng với quần áo nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của anh T, chị T1 là có cơ sở.

[4] Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không giao nộp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T.

[5] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 77/2018/DS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 604, 605, 608 Bộ luật dân sự 2005; khoản 1 Điều 17 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP – BTC ngày 28/03/2014; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T và chị Lâm Thị T1.

Buộc bà Nguyễn Thị Mai H phải bồi thường cho chị Lâm Thị T1 số tiền là 1.125.000đ (Một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lâm Thị T1 và anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 528.750 đồng, trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 007696 ngày 26/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, anh T và chị T1 phải tiếp tục nộp 228.750đ (Hai trăm hai mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Bà Nguyễn Thị Mai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại Biên lai thu tiền số 004352 ngày 06/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

*Nơi nhận:*

- TAND cấp huyện;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Thanh Phượng**